

TUẦN 27

(Từ ngày 17/03/2025 đến ngày 22/3/2025)

TIẾT 79 + 80+ 81

BÀI 18. THỰC HÀNH: VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN

1. Thực trạng vấn đề môi trường

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Giải pháp giải quyết vấn đề môi trường

BÀI 19: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

- Diện tích: khoảng 23,6 nghìn km², chiếm 7,1% diện tích cả nước (năm 2021)
- Vùng Đông Nam Bộ bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh.
- Đặc điểm lãnh thổ:
 - + Là vùng kinh tế phát triển bậc nhất nước ta, có Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất nước ta.

- + Có vùng biển rộng lớn gồm nhiều đảo, quần đảo lớn nhỏ.
- + Tiếp giáp với Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long, nước láng giềng Campuchia qua một số cửa khẩu như Mộc Bài, Xa Mát, Hoa Lư,... tạo cơ hội thông thương, phát triển kinh tế năng động

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a. Thế mạnh:

	ĐẶC ĐIỂM	THUẬN LỢI
Địa hình và đất	- Là vùng bán bình nguyên, địa hình tương đối bằng phẳng. - Đất đỏ badan, đất feralit, đất xám phù sa cổ chiếm diện tích lớn. Đất phù sa chủ yếu ven sông lớn: sông Sài Gòn, Vàm Cỏ Đông, Đồng Nai, La Ngà.	Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển công nghiệp, xây dựng đô thị và hệ thống giao thông vận tải
Khí hậu	Khí hậu cận xích đạo gió mùa, có mùa mưa và mùa khô rõ rệt, nền nhiệt độ cao và nóng quanh năm, ít thiên tai.	Hoạt động kinh tế diễn ra quanh năm.
Nước	Hệ thống sông Đồng Nai	Cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải.
	Các hồ thủy điện, thủy lợi (Trị An, Thác Mơ, Dầu Tiếng)	Cung cấp nước, du lịch, góp phần điều hòa dòng chảy.
	Nguồn nước ngầm trữ lượng lớn, nước khoáng: Bình Châu, Suối Nghệ.	Có giá trị kinh tế cao. Thuận lợi sản xuất và sinh hoạt.
Khoáng sản	Chủ yếu là khoáng sản vật liệu xây dựng, ở thềm lục địa có dầu mỏ và khí tự nhiên	Phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng Sản.

Rừng	Rừng nhiệt đới cận xích đạo chiếm ưu thế. Nhiều vườn quốc gia như Cát Tiên, Bù Gia Mập,... rừng ngập mặn. Cần Giờ là khu dự trữ sinh quyển thế giới đầu tiên ở Việt Nam.	
Biển Đảo	Nhiều điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo với các bãi tắm đẹp	Phục vụ cho du lịch
	Địa thế bờ biển thuận lợi hình thành các cảng nước sâu, có khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên	Hình thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng.
	Có ngư trường và diện tích mặt nước lớn	Phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng hải sản.

b. Hạn chế:

- Mùa khô kéo dài gây thiếu nước, xâm nhập mặn ở vùng cửa sông, ven biển, hiện tượng ngập úng.
- Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

3. Đặc điểm dân cư, đô thị hóa

a. Đặc điểm dân cư:

- Dân số: 18,3 triệu người (năm 2021)
- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp: 0,98% (năm 2021)
- Mật độ dân số: 778 người/km² (năm 2021) gấp 2,6 lần cả nước. TP.HCM mật độ dân số cao nhất cả nước.
- Là nơi cư trú của nhiều thành phần dân tộc: Kinh, Chơ Ro, Mạ, Xtiêng, Cơ Ho, Hoa,...

b. Đặc điểm đô thị hóa:

- Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh nhất cả nước.

- Là vùng có trình độ đô thị hóa cao chiếm 66,4 % (2021).
- Hệ thống đô thị trong những năm qua phát triển mạnh và phân bố tương đối hợp lí.
- + Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh góp phần mở rộng đô thị hiện có, thành lập đô thị mới, phát triển đô thị vệ tinh: Thủ Dầu Một, Dĩ An,,....
- + TPHCM đang được xây dựng thành đô thị thông minh tại Việt Nam.

4. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế

a. Công nghiệp:

- Là động lực phát triển, chiếm khoảng 38% GRDP của vùng (năm 2021)
- Phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh của vùng
- Phát triển một số ngành gắn với công nghệ mới, công nghệ cao
- Phát triển các ngành công nghiệp sạch gắn với việc bảo vệ môi trường.
- Phân bố tập trung tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao
- Một số ngành thế mạnh: khai thác dầu thô, khí tự nhiên, sản xuất ô tô, dầu khí.
- Thu hút vốn đầu tư phát triển 1 số ngành công nghệ mới, công nghệ cao: sản xuất điện tử, máy vi tính,...chế phẩm sinh học, vắc xin,...Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường.
- Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ở Bình Dương, Bà Rịa Vũng tàu,..TPHCM.

b. Dịch vụ:

- Ngành dịch vụ phát triển, chiếm hơn 42% GRDP của vùng (năm 2021)
- Hoạt động dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin, du lịch, logistics,...
- + Tài chính ngân hàng: TPHCM là trung tâm tài chính quốc gia phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng.
- + Logistic: phát triển mạnh, gắn với hệ thống bến cảng, cảng thủy nội địa, cảng hàng không, các trục hành lang kinh tế trọng điểm: TPHCM, Bình Dương,....
- + Du lịch: phát triển mạnh các loại hình du lịch đô thị, nghỉ dưỡng, sinh thái,....

c. Kinh tế biển, đảo:

- **Giao thông vận tải biển:** phát triển hệ thống cảng biển trung chuyển quốc tế, trong nước: TPHCM, Bà Rịa - Vũng Tàu,....

- **Khai thác khoáng sản biển:** địa bàn chủ lực dầu thô, khí tự nhiên, các mỏ quan trọng: Bạch Hổ. Phát triển hệ thống công nghiệp, dịch vụ khai thác dầu khí trên biển.

- **Du lịch biển:** khu nghỉ dưỡng có bãi tắm đẹp, khu du lịch sinh thái, du lịch bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

- **Hải sản:** đẩy mạnh nghề cá xa bờ, nuôi trồng hải sản có giá trị cao, chế biến xuất khẩu.

d. Phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả:

- Cây công nghiệp lâu năm: cao su, điều,..

- Cây công nghiệp hàng năm: lạc, đậu tương, mía,..

- Cây ăn quả nhiệt đới: sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, măng cầu,..

Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm mang lại giá trị kinh tế cao: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương,....

5. Ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng

- Góp phần phát huy tiềm năng và thế mạnh của vùng, khắc phục tình trạng phát triển manh

mún, giúp nâng cao mức sống người dân.

- Liên kết vùng, hướng đến các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư, huy động nguồn lực, góp phần tăng cường mối liên kết hai chiều giữa Đông Nam Bộ và các vùng khác.

- Tạo ra mối quan hệ kinh tế linh động cho vùng, quốc gia, giúp phát triển kinh tế bền vững.

- Phát huy tiềm năng và thế mạnh của vùng, khắc phục tình trạng phát triển manh mún, nâng cao mức sống người dân.

- Thu hút vốn đầu tư, huy động nguồn lực, góp phần tăng cường mối liên kết hai chiều giữa Đông Nam Bộ và vùng khác.

- Là nơi tiếp nhận các sản phẩm thế mạnh về nguồn nguyên liệu của Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cung ứng cho các vùng khác thế mạnh về hạ tầng logistics; đầu mối giao thông vận tải: cảng hàng không, cảng biển quốc tế; công nghệ, vốn, kinh nghiệm phát triển kinh tế,...; đào tạo lao động và cung ứng lao động chất lượng cao cho các vùng khác.

6. Vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh

- Đóng góp trên 20% GDP cả nước và khoảng 48% GRDP vùng Đông Nam Bộ (năm 2021).
- Dẫn đầu cả nước về số dự án và tổng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài 4243
- Là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế của vùng, động lực phía nam và cả nước.
- Là đầu tàu, có sức hút và sức lan tỏa lớn, hỗ trợ các địa phương khác trong việc phát triển kinh tế - xã hội.
- Hướng đến thành phố thông minh sáng tạo, luôn tiên phong áp dụng KH - KT phát triển công nghệ cao trong sản xuất, với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, gắn với kinh tế tri thức.

B. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG:

Câu 1. Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 2. Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là?

- A. Đất xám và đất phù sa.
- B. Đất badan và đất feralit.
- C. Đất phù sa và đất feralit.
- D. Đất badan và đất xám.

Câu 3. Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là?

- A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.
- B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
- C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

Câu 4. Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là?

- A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo.
- B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.
- C. Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.
- D. Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

Câu 5. Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là?

- A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một.
C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 6. Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là?

- A. Dệt – may, da- giày, gốm sứ. B. Dầu khí, phân bón, năng lượng.
C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí. D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 7. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là:

- A. Thủy lợi. B. Phân bón.
C. Bảo vệ rừng đầu nguồn. D. Phòng chống sâu bệnh.

Câu 8. Năm 2002, GDP 3 vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đạt 289 500 tỉ đồng, chiếm bao nhiêu % GDP của cả nước? (biết rằng năm 2002, GDP của cả nước là 534 375 tỉ đồng).

- A. 54,17%. B. 184,58%.
C. 541,7%. D. 5,41%.

Câu 9. Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, hãy trình bày đặc điểm dân cư vùng Đông Nam Bộ.

**Tỉ suất nhập cư, xuất cư ở vùng Đông Nam Bộ,
giai đoạn 2010 – 2021** (Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tỉ suất nhập cư	24,8	12,8	20,4	17,9
Tỉ suất xuất cư	4,9	3,1	1,7	2,2

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011 và 2022)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Thành phố Hồ Chí Minh có vị thế như thế nào đối với vùng và cả nước?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

Vùng \ Khu vực	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước	23,0	38,5	38,5

Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là:

A. Nông – lâm – ngư nghiệp.

B. Công nghiệp, xây dựng.

C. Dịch vụ.

D. Không có ngành nào.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

Vùng Khu vực	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước	23,0	38,5	38,5

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

A. Nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Dịch vụ.

C. Công nghiệp xây dựng.

D. Khai thác dầu.

C. DẶN DÒ:

- Học thuộc lòng bài 18 sử

- Làm luyện tập và vận dụng